TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **09**/2017/DS-PT
Ngày 26 tháng 12 năm 2017

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy quyết định cá biệt.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Điền

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tiến
Ông Võ Ngọc Thông

***Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Thành An, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên toà: Ông Lê Ra - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 02/2017/TLPT-DS ngày 13 tháng 10 năm 2017 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy quyết định cá biệt".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2017/DS-ST ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 02/2017/QĐ-PT ngày 31 tháng 10 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đỗ D

Địa chỉ: Xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Đỗ Văn X, địa chỉ: Xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Nam (Được ủy quyền theo giấy ủy quyền có xác nhận của UBND xã Q ngày 19/10/2016).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Nguyễn Minh K, Luật sư của Công ty Luật TNHH K, thuộc Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng.

2. Bị đơn: Ông Ngô Tấn T

Địa chỉ: Xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Nam.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Võ Thị V; địa chỉ: Xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Võ Thị V: Anh Đỗ Văn X (Được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 08/3/2017).

3.2. Bà Nguyễn Thị H; địa chỉ: Xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị H: Ông Ngô Tấn T (Được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 20/3/2017).

3.3. Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Nam

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Như C, Chủ tịch UBND huyện H, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND huyện H, tỉnh Quảng Nam: Ông Phan Văn Anh T (Được ủy quyền theo văn bản ủy quyền số 18/GUQ-UBND ngày 09/11/2017).

4. Người kháng cáo: Ông Đỗ D (là nguyên đơn).

Tại phiên tòa: Ông Đỗ D, anh Đỗ Văn X, Luật sư Nguyễn Minh K, ông Ngô Tấn T, ông Phan Văn Anh T có mặt; bà Võ Thị V, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Như C vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo Đơn khởi kiện ngày 02/10/2016 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đỗ D là anh Đỗ Văn X trình bày:

Gia đình ông Đỗ D có diện tích đất thổ cư đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng (GCNQSD) đất số A355783 cấp ngày 18/8/1994, tờ bản đồ số 5, thửa số 25, diện tích 1.544 m^2. Năm 2013, ông Ngô Tấn T lấn chiếm qua ranh giới vào diện tích đất của gia đình ông D khoảng 80 m^2. Gia đình ông D có gửi đơn đến Ủy ban nhân dân (UBND) xã Q đề nghị giải quyết (lần 1 vào ngày 29/5/2013, lần 2 vào ngày 25/9/2013). Qua hòa giải, gia đình ông D đã thống nhất để cho ông T con đường đi. Tuy nhiên vào tháng 8/2016, khi ông D tiến hành rào bờ rào thì ông T đã phá dỡ.

Do đó, ông Đỗ D yêu cầu công nhận diện tích 53,48 m^2 đất (theo đo đạc thực tế) hiện đang có tranh chấp với ông Ngô Tấn T tại xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Nam thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông; hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A364731 do UBND huyện H cấp cho ông Ngô Tấn T ngày 18/8/1994 đối với phần diện tích đất 53,48 m^2 tại thửa 1077, tờ bản đồ số 5, thôn 1 xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Nam. Về cây cối và tài sản trên đất, ông thống

nhất theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 16/3/2017.

2. Về phía bị đơn, tại các văn bản có trong hồ sơ vụ án và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, ông Ngô Tấn T trình bày:

Cha ông là cụ Ngô Tấn L (đã chết) và ông được Nhà nước cấp GCNQSD đất với diện tích là 7.515 m^2 đất (Diện tích đất của cụ L là 4.514m^2 và diện tích đất của gia đình ông là 3.001 m^2). Diện tích đất trên có giáp ranh với hộ ông Đỗ D bằng con đường đi xuống sông. Thời gian qua gia đình ông sống và canh tác đúng với diện tích đất được cấp. Trong năm 2013, gia đình ông Đỗ D đã lấn chiếm đất của ông để trồng cây và gia đình ông đã làm đơn gửi đến UBND xã Q nhưng vụ việc vẫn chưa được giải quyết dứt điểm. Ngày 05/9/2016, gia đình ông Đỗ D đã dùng cột bê tông cắm lên diện tích đất nhà ông đang canh tác nên xảy ra tranh chấp. Nay ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ D vì diện tích đất này của gia đình ông và cha ông để lại, ông không lấn chiếm đất của ông Đỗ D.

3. Ý kiến của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Võ Thị V do anh Đỗ Văn X đại diện thống nhất lời trình bày của anh Xuyên.

- Bà Nguyễn Thị H do ông Ngô Tấn T đại diện thống nhất như lời trình bày của ông T.

- Ông Nguyễn Như C, Chủ tịch UBND huyện H và ông Phan Văn Anh T là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho UBND huyện H trình bày: Qua kiểm tra hồ sơ cấp GCNQSD đất đối với hộ ông Ngô Tấn T chỉ có đơn đăng ký quyền sử dụng đất do hộ ông T lập ngày 27/7/1994 trên cơ sở hiện trạng đất đang sử dụng, được UBND xã Q xác nhận ngày 04/8/1994. Căn cứ hồ sơ địa chính, UBND xã Q đã tham mưu UBND huyện cấp GCNQSD đất số A364731 ngày 18/8/1994 cho ông Ngô Tấn T, diện tích 400 m^2, thửa số 1077, tờ bản đồ số 05, mục đích sử dụng là đất ở và vườn, thời hạn sử dụng lâu dài. Trình tự, thủ tục cấp GCNQSD đất cho ông Ngô Tấn T là đúng theo quy định của pháp luật đất đai. Do vậy, UBND huyện H đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

4. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 27/2017/DS-ST ngày 15/8/2017, Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, Điều 34, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 100, Điều 166, điểm i khoản 1 Điều 169; khoản 1, khoản 2 Điều 170 và Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; khoản 1, khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

- Bác yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ D về việc yêu cầu Tòa án công nhận diện tích đất tranh chấp 53,48 m^2 (theo đo đạc thực tế) tại xã Q, huyện H, tỉnh

Quảng Nam tranh chấp với ông Ngô Tấn T thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông; hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A364731 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp cho ông Ngô Tấn T ngày 18/8/1994 đối với phần diện tích đất 53,48m^2 tại thửa 1077, tờ bản đồ số 5.

- Buộc ông Đỗ D phải khai thác, thu dọn 06 cây keo tai tượng, gồm 05 cây keo tai tượng đường kính 15-30cm và 01 cây keo tai tượng đường kính 05- 15cm (Trong đó có 01 cây cụt ngọn và 01 cây đã chết) để trả lại diện tích đất cho ông Ngô Tấn T.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng, giải thích về thủ tục thi hành án dân sự và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 21/8/2017, nguyên đơn là ông Đỗ D kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Nội dung kháng cáo, ông Đỗ D cho rằng: Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử chỉ căn cứ vào lời khai không đúng sự thật, thiếu cơ sở pháp lý của phía bị đơn để bác yêu cầu của nguyên đơn mà không xem xét, đánh giá các tình tiết, tài liệu có liên quan đến nguồn gốc sử dụng đất của nguyên đơn là thiếu khách quan, toàn diện.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Các cây keo trên diện tích đất có tranh chấp có tuổi từ 6 năm đến 7 năm được hai bên thừa nhận do ông Đỗ D trồng đã chứng minh phần diện tích đất này là của ông Đỗ D. Tòa án cấp sơ thẩm chủ yếu xem xét dựa trên căn cứ là tờ bản đồ lập năm 1994, trong khi bản đồ này được lập không đúng quy định của pháp luật, không thể hiện rõ ranh giới giữa các hộ để so sánh với diện tích đất thực tế bác yêu cầu của ông Đỗ D là thiếu căn cứ. Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ cho thấy diện tích đất của cả hai bên đều lớn hơn so với diện tích đất được cấp trong GCNQSD đất nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ mốc giới giữa hai thửa đất, chưa xác định rõ nguồn gốc diện tích tăng lên, không kiến nghị thu hồi là có thiếu sót. Nội dung văn bản ủy quyền sử dụng đất ngày 15/8/2017 của những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ L cho ông T mâu thuẫn, thiếu rõ ràng nên không có giá trị pháp lý. Quá trình sử dụng đất, các thửa đất của các hộ lân cận cũng có sự thay đổi rất nhiều, so với bản đồ hiện trạng thì chồng chéo lên nhau, Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ sự biến động về diện tích, ranh giới của các thửa đất và không đưa những người thừa kế của cụ L và những người cư trú tại các thửa đất giáp ranh với thửa đất của ông Đỗ D và thửa đất của ông T vào tham gia tố tụng là bỏ sót người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Do đó, đề nghị hủy Bản án sơ thẩm để xét xử lại để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên đương sự.

Ông Ngô Tấn T trình bày: Ranh giới giữa thửa đất của ông và thửa đất của ông Đỗ D là đường thẳng, trong đó diện tích đất có tranh chấp là con đường đi xuống sông đã có từ lâu và thuộc thửa đất của ông được ngăn cách với thửa đất

của ông Đỗ D bằng hàng cây Duối. Do đó, ông không chấp nhận yêu cầu khởi kiện cảu ông Đỗ D.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho UBND huyện H là ông Phan Văn Anh Tuấn trình bày: Việc cấp GCNQSD đất cho các hộ dân của xã Q được thực hiện lần đầu năm 1994 theo Nghị định 64/CP của Chính phủ trên cơ sở thực trạng sử dụng, hồ sơ đơn giản chỉ có đơn đăng ký quyền sử dụng đất theo mẫu thống nhất, đo vẽ bản đồ thủ công nên thiếu chính xác. Do vậy, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Các Thẩm phán, thành viên Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ và đúng các thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng chấp hành nghiêm chỉnh nội quy phiên tòa và thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng.

Về nội dung: Hộ ông Đỗ D và hộ ông Ngô Tấn T đều đã được cấp GCNQSD đất năm 1994 theo Nghị định 64/CP của Chính phủ. Trên cơ sở Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ xác định hai hộ đều có diện tích đất lớn hơn so với diện tích được cấp GCNQSD đất. Theo Công văn số 282/UBND ngày 22/6/2017 của Ủy ban nhân dân huyện H thì trong diện tích đất tranh chấp 53,48 m^2, có 38,68 m^2 đất nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cụ Ngô Tấn L và có 14,8m^2 đất nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Ngô Tấn T. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử vụ án không chấp nhận yêu cầu của ông Đỗ D là đúng pháp luật; đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đều không đưa ra được chứng cứ, tài liệu nào mới; các đương sự đều giữ nguyên ý kiến của mình như tại phiên tòa sơ thẩm. Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong vụ án này, nguyên nhân xảy ra tranh chấp là do gia đình ông Đỗ D và gia đình ông Ngô Tấn T chưa xác định được chính xác ranh giới của 2 thửa đất (thửa số 25, diện tích 1.544 m^2 của gia đình ông Đỗ D và thửa số 1077, diện tích 400 m^2 của ông Ngô Tấn T). Theo ông T trình bày thì diện tích đất có tranh chấp là con đường đi, gia đình ông đã sử dụng từ lâu để đi lại, nay xảy ra tranh chấp ông đề nghị các cơ quan có thẩm quyền tiến hành việc đo đạc, xác định mốc giới cụ thể theo đúng diện tích đất đã được cấp cho mỗi gia đình; ông Đỗ D trình bày phần diện tích đất có tranh chấp được gia đình ông sử dụng từ trước đến nay, năm 2013 ông T lấn chiếm diện tích khoảng 80 m^2 nằm dọc theo ranh giới đất với ông T.

[1.2] Theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 16/3/2017 thì diện tích đất sử dụng thực tế của hộ ông Đỗ D là 2.078,03 m^2 (thừa so với diện tích đất được cấp theo GCNQSD đất là 534,03 m^2); diện tích đất sử dụng thực tế của hộ ông Ngô Tấn T là 567,42 m^2 (thừa so với diện tích đất được cấp theo GCNQSD đất là 167,42m^2). Đồng thời, qua xem xét "sơ đồ đất tranh chấp giữa hộ ông Đỗ D và hộ ông Ngô Tấn T" được lập kèm theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 16/3/2017 thì thấy rõ diện tích đất hiện trạng các hộ đang sử dụng có phần chồng lấn sang đất của người khác (BL.64); trong đó, phần diện tích đất có tranh chấp giữa hộ ông Đỗ D và hộ ông Ngô Tấn T là 53,48 m^2 không nằm trong thửa đất của ông Đỗ D đã được cấp GCNQSD đất, mà thuộc thửa đất của ông Ngô Tấn T và của cụ Ngô Tấn L là cha của ông T.

[1.3] Theo ý kiến của Ủy ban nhân dân huyện H thì việc giao đất, cấp GCNQSD đất cho nhân dân trên địa bàn huyện được thực hiện lần đầu tiên theo Nghị định số 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ. Hồ sơ, thủ tục giao đất, cấp GCNQSD đất tại thời điểm đó đơn giản, chủ yếu dựa vào đơn đăng ký quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân trên cơ sở hiện trạng sử dụng. Tại Công văn số 282/UBND ngày 22/6/2017, Ủy ban nhân dân huyện H đã có ý kiến là trong diện tích đất tranh chấp 53,48 m^2, có 38,68 m^2 đất nằm trong GCNQSD đất của cụ Ngô Tấn L và có 14,8m^2 đất nằm trong GCNQSD đất của hộ ông Ngô Tấn T (toàn bộ diện tích có tranh chấp không thuộc thửa đất của ông Đỗ D đã được cấp GCNQSD đất).

[1.4] Đối với ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Đỗ D cho rằng: Quá trình sử dụng đất, các thửa đất của hộ ông Đỗ D, ông T và của các hộ lân cận có sự thay đổi rất nhiều, so với bản đồ hiện trạng thì chồng chéo lên nhau; Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ sự biến động về diện tích, ranh giới của các thửa đất, chỉ căn cứ vào tờ bản đồ lập năm 1994 được lập không đúng quy định của pháp luật để không chấp nhận yêu cầu của ông Đỗ D là thiếu căn cứ. Hội đồng xét xử xét thấy, tại phiên tòa mở ngày 20/11/2017 Luật sư đã đề nghị tạm ngừng phiên tòa để thu thập thêm tài liệu, chứng cứ nhưng đến nay các đương sự đều không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào mới. Tại phiên tòa, Luật sư có trình bày các cây keo trên diện tích đất có tranh chấp có tuổi từ 6 năm đến 7 năm được hai bên thừa nhận do ông Đỗ D trồng đã chứng minh phần diện tích đất này là của ông Đỗ D. Qua xem xét, Hội đồng xét xử thấy rằng: các bên tranh chấp đều đã sử dụng thửa đất của mình từ rất lâu, chỉ tính từ thời điểm được cấp GCNQSD đất đến nay đã trên 23 năm; đồng thời, các tài liệu trong hồ sơ cũng thể hiện các cây này do ông Đỗ D trồng trong khoảng thời gian hai bên xảy ra tranh chấp, không có giá trị chứng minh diện tích đất này là của ông Đỗ D. Đối với ý kiến diện tích đất của cả hai bên đều lớn hơn so với diện tích đất được cấp trong GCNQSD đất nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không kiến nghị thu hồi không thuộc phạm vi xét xử nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với ý kiến: văn bản ủy quyền sử dụng đất ngày 15/8/2017 của những người thừa kế của cụ L cho ông T thiếu rõ ràng; quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm không

đưa những người này và các hộ lân cận, giáp ranh với thửa đất của ông Đỗ D và thửa đất của ông T vào tham gia tố tụng là bỏ sót người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Xét thấy, ý kiến của Luật sư là có cơ sở, tuy nhiên căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ D thì thiếu sót này không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, cần rút kinh nghiệm với Tòa án cấp sơ thẩm.

[1.5] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Có đủ cơ sở để khẳng định diện tích đất có tranh chấp không thuộc quyền quản lý, sử dụng của hộ ông Đỗ D. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết vụ án và quyết định không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ D là có cơ sở, đúng pháp luật.

[2] Các quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Đỗ D và giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2017/DS-ST ngày 15 tháng 8 năm 2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Căn cứ khoản 9 Điều 26, Điều 34, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 100, Điều 166, điểm i khoản 1 Điều 169, khoản 1 và khoản 2 Điều 170 và Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013; khoản 1, khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1.1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ D về việc yêu cầu Tòa án công nhận diện tích đất 53,48 m^2 (theo đo đạc thực tế) tại xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Nam có tranh chấp với ông Ngô Tấn T thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông; bác yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A3 64731 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp cho ông Ngô Tấn T ngày 18/8/1994 đối với phần diện tích đất 53,48 m^2 tại thửa 1077, tờ bản đồ số 5 tại xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Nam.

(Có sơ đồ kèm theo)

1.2. Buộc ông Đỗ D phải khai thác, thu dọn 06 cây keo tai tượng gồm: 05 cây keo tai tượng có đường kính 15-30 cm và 01 cây keo tai tượng đường kính 05- 15 cm (trong đó có 01 cây cụt ngọn và 01 cây đã chết) để trả lại diện tích đất cho Ông Ngô Tấn T.

1.3. Ông Đỗ D phải chịu khoản tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tranh chấp là 5.300.000 đồng (anh Đỗ Văn X đã nộp xong).

1.4. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đỗ D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) chị Trần Thị N nộp thay ông Đỗ D theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000596 ngày 19/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Quảng Nam; ông Đỗ D còn phải nộp tiếp số tiền án phí dân sự sơ thẩm còn thiếu là 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng).

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29, Điều 47 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, ông Đỗ D phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị Trần Thị N nộp thay ông Đỗ D theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000038 ngày 29/8/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Xuân Điền

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HSVA, P.HCTP, LT.